

Số: 38/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng
cho sinh viên khoá 22C3, C7 và sinh viên các khoá cũ
(Đợt 3_ Tháng 01/2025)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp.HCM;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 193 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

- | | |
|----------------|--------------|
| 1. Khóa 19C1: | 05 sinh viên |
| 2. Khóa 20C1: | 16 sinh viên |
| 3. Khóa 20C3: | 02 sinh viên |
| 4. Khóa 20C6: | 02 sinh viên |
| 5. Khóa 21C1: | 34 sinh viên |
| 6. Khóa 21C3: | 03 sinh viên |
| 7. Khóa 21C6: | 01 sinh viên |
| 8. Khóa 21C7: | 01 sinh viên |
| 9. Khóa 22C1: | 50 sinh viên |
| 10. Khóa 22C6: | 02 sinh viên |
| 11. Khóa 22C3: | 62 sinh viên |
| 12. Khóa 22C7: | 15 sinh viên |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đủ chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 22C3, C7 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
XÉT ĐỢT 3 _THÁNG 01/2025**

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
								Tin học	Anh văn			
1	19004517	Nguyễn Nhật	Kha	Nam	29/06/1995	Bến Tre	19C1-LTM1			7.22		Khá
2	19002128	Lê Thanh	Hào	Nam	19/11/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-QTM1			6.47		Trung bình
3	19003811	Tăng Văn	Phước	Nam	02/01/2001	Đắk Nông	19C1-TĐH1	A		5.81		Trung bình
4	19002203	Nguyễn Thành	Lập	Nam	20/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	A	B	6.73		Trung bình
5	19004203	Nguyễn Thành	Thái	Nam	20/05/2001	Đắk Lắk	19C1-VSL2	A		6.20		Trung bình
6	20005220	Hồ Quốc	Huy	Nam	09/12/2002	Tây Ninh	20C1-BCN1	A	TOEIC 350	6.15		Trung bình
7	20005335	Phạm Quốc	Trường	Nam	06/01/2002	Đồng Nai	20C1-BCN1			5.85		Trung bình
8	20002516	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	20/11/2002	Bình Thuận	20C1-CĐT1	A		6.15		Trung bình
9	20004163	Nguyễn Huỳnh	Đức	Nam	17/03/2002	Tiền Giang	20C1-CMT1		TOEIC 350	5.87		Trung bình
10	20002776	Nguyễn Phú	Vinh	Nam	10/03/2002	An Giang	20C1-CNL2	A		6.20		Trung bình
11	20004867	Lại Ngọc Tấn	Phước	Nam	05/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ14	A		7.20		Khá
12	20004276	Lê Hoàng	Sang	Nam	14/04/2002	Bến Tre	20C1-CTK1			6.34		Trung bình
13	20001258	Nguyễn Phi	Vân	Nữ	29/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐHĐ1			7.27		Khá
14	20005838	Võ Anh	Đức	Nam	29/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2			7.46		Khá
15	20003960	Đặng Nguyễn Tiến	Huy	Nam	14/11/2002	Hậu Giang	20C1-TĐH1	A		6.72		Trung bình
16	20005110	Trần Thanh	Hậu	Nam	25/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ2			6.71		Trung bình
17	20005141	Lê Duy	Khánh	Nam	16/09/2002	Bình Phước	20C1-TKĐ2			7.24		Khá
18	20006767	Phan Kim	Lượng	Nữ	10/09/2002	An Giang	20C1-TKĐ2			6.48		Trung bình
19	20004677	Lê Trần Bá	Sinh	Nam	01/09/2001	Bình Định	20C1-TKĐ2			6.89		Trung bình
20	20005445	Trương Công	Thuận	Nam	15/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ2			6.89		Trung bình
21	20005444	Lê Trung	Tuấn	Nam	04/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ2			6.79		Trung bình
22	20005052	Lê Phước	Đạt	Nam	18/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CCK1	IC3	TOEIC 400	6.88		Trung bình
23	20003031	Hoàng	Nguyên	Nam	17/03/2002	An Giang	20C3-CNÔ3			7.87		Khá
24	20004064	Mai Văn	Nhật	Nam	19/10/2002	Bình Định	20C6-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	6.99		Trung bình
25	20002900	Nguyễn Trí	Thắng	Nam	27/07/2002	Đồng Tháp	20C6-CNÔ4			5.96		Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
								Tin học	Anh văn			
26	21004698	Bùi Đức	Cường	Nam	26/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK1			6.21		Trung bình
27	21001264	Huỳnh Văn	Dân	Nam	20/02/2003	Bình Định	21C1-CCK1		TOEIC 350	6.03		Trung bình
28	21001444	Phạm Trung	Mẫn	Nam	25/07/2003	Bến Tre	21C1-CCK1	A	TOEIC 350	5.72		Trung bình
29	21000968	Nguyễn Bình	Nguyên	Nam	02/08/2003	Đồng Nai	21C1-CCK1			5.97		Trung bình
30	21002823	Nguyễn Thành	An	Nam	25/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2		TOEIC 350	6.14		Trung bình
31	21001515	Nguyễn Tân	Tuyển	Nam	11/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2	A		5.93		Trung bình
32	21003799	Nguyễn Quốc	Son	Nam	28/10/2003	Long An	21C1-CCK4			6.30		Trung bình
33	21003751	Kiên Bảo	Vinh	Nam	03/12/2003	An Giang	21C1-CCK4			6.12		Trung bình
34	21003662	Đỗ Ngọc	Ninh	Nam	31/03/2003	Quảng Ngãi	21C1-CĐT1			5.89		Trung bình
35	21001567	Lê Bửu	Nguyên	Nam	20/09/2003	Bến Tre	21C1-CNL1	A		6.94		Trung bình
36	21001319	Phan Minh	Tuấn	Nam	08/12/2003	Gia Lai	21C1-CNL1	A		7.04		Khá
37	21000064	Hứa Hoàng Minh	Nhật	Nam	16/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1	A		6.24		Trung bình
38	21001123	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	10/12/2003	Long An	21C1-CNÔ4			7.00		Khá
39	21001153	Trần Hoàng	Đạt	Nam	15/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6.73		Trung bình
40	21001283	Trần Ngọc	Hoàng	Nam	10/08/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ5			6.42		Trung bình
41	21001199	Huỳnh Thanh	Nhật	Nam	08/04/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ5			6.68		Trung bình
42	21001277	Trần Minh	Nhật	Nam	15/09/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ5			6.20		Trung bình
43	21004432	Trương Quốc	Khánh	Nam	26/02/2003	Long An	21C1-ĐĐT1			6.38		Trung bình
44	21003685	Nguyễn Nhật	Khoa	Nam	09/06/2003	Bến Tre	21C1-ĐĐT1	A		6.36		Trung bình
45	21004223	Đoàn Minh	Tiến	Nam	30/01/2003	Long An	21C1-ĐĐT1	A		5.83		Trung bình
46	21003845	Phan Trọng	Đại	Nam	24/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KML1	A	TOEIC 350	6.27		Trung bình
47	21003705	Trần Xuân	Đang	Nam	25/07/2003	Bạc Liêu	21C1-KML1			5.65		Trung bình
48	21004697	Nguyễn Tấn	Trọng	Nam	10/11/2003	Bình Định	21C1-KML1	A		6.08		Trung bình
49	21000104	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	29/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1			6.72		Trung bình
50	21001215	Hồ Viết	Nam	Nam	19/07/2003	Gia Lai	21C1-LTM1		TOEIC 350	5.64		Trung bình
51	21003192	Lê Nguyễn Đình	Thịnh	Nam	19/06/2003	Bình Thuận	21C1-LTM1			6.00		Trung bình
52	21003554	Trần Xuân	Thiệt	Nam	20/12/2002	Nam Định	21C1-QTD2	A		6.87		Trung bình
53	21003276	Trần Anh	Duy	Nam	09/01/2003	Tiền Giang	21C1-QTM1		TOEIC 350	6.71		Trung bình
54	21003333	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	22/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			6.34		Trung bình
55	21003619	Phan Kim	Ngân	Nữ	20/10/2003	Tiền Giang	21C1-TKĐ2			7.26		Khá
56	21003336	Nguyễn Gia	Thịnh	Nam	26/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			6.61		Trung bình
57	21003453	Phan Anh	Tuấn	Nam	20/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			6.92		Trung bình
58	21004015	Nguyễn Ngô Hiệu	Năng	Nam	04/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKW1		TOEIC 350	6.86		Trung bình
59	21002371	Võ Minh	Khánh	Nam	19/09/2003	Bến Tre	21C1-VSL1	A	TOEIC 350	6.42		Trung bình
60	21000845	Nguyễn Hoàng Nhật	Hải	Nam	29/06/2003	Kiên Giang	21C3-CNÔ1			7.18		Khá
61	21000853	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	26/08/2003	Long An	21C3-CNÔ1	IC3		6.94		Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
								Tin học	Anh văn			
62	21000852	Nguyễn Tấn	Thịnh	Nam	16/08/2003	Long An	21C3-CNÔ1			6.29		Trung bình
63	21001013	Lê Huy Nguyên	Bảo	Nam	23/09/2002	Bình Phước	21C6-CNÔ1			6.08		Trung bình
64	21000175	Huỳnh Ngọc Kiến	Tánh	Nam	15/10/2003	Tiền Giang	21C7-CCK1	IC3		6.41		Trung bình
65	22003035	Trần Quang	Khải	Nam	01/01/2004	Bến Tre	22C1-CCK1				2.37	Trung bình
66	22003026	Phạm Hữu	Nghị	Nam	21/03/2004	Đồng Nai	22C1-CCK1				2.24	Trung bình
67	22002404	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	26/09/2004	Tây Ninh	22C1-CCK1				2.22	Trung bình
68	22003244	Nguyễn Dương Thiên	Vĩ	Nam	24/09/2004	Lâm Đồng	22C1-CCK2				2.22	Trung bình
69	22004147	Lương Hoàng	Huỳnh	Nam	09/06/2004	An Giang	22C1-CCK3				2.50	Khá
70	22003412	Phạm Quốc	Bình	Nam	19/02/2004	Bến Tre	22C1-CBT1	A			2.66	Khá
71	22001800	Nguyễn Đỗ Trí	Thiện	Nam	14/04/2004	Kiên Giang	22C1-CBT1				2.48	Trung bình
72	22004841	Nguyễn Văn	Quyển	Nam	02/02/2004	Nghệ An	22C1-CMT1				2.30	Trung bình
73	22002710	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	20/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-CMT1				2.58	Khá
74	22000694	Lê Trung	Kiên	Nam	07/09/2002	Tây Ninh	22C1-CNÔ1		TOEIC 350		2.45	Trung bình
75	22000866	Thái Thanh	Phong	Nam	07/11/2004	Bình Dương	22C1-CNÔ1				2.38	Trung bình
76	22001823	Võ Thanh Bảo	Phúc	Nam	10/05/2004	Lâm Đồng	22C1-CNÔ1	A			2.21	Trung bình
77	22001069	Lương Văn	Tâm	Nam	01/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-CNÔ1	A			2.25	Trung bình
78	22001534	Nguyễn Tấn	Thời	Nam	14/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-CNÔ1	A			2.29	Trung bình
79	22002170	Nguyễn Phi	Mạnh	Nam	05/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-CNÔ2		TOEIC 350		2.42	Trung bình
80	20002987	Vương Hoàng	Nam	Nam	10/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-CNÔ6				2.23	Trung bình
81	22003149	Lê Tấn	Toàn	Nam	10/01/2004	Quảng Ngãi	22C1-CNÔ6	A			2.27	Trung bình
82	22003650	Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	19/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-CNÔ7				2.37	Trung bình
83	22004465	Trần Thái	Vinh	Nam	19/07/2003	Tiền Giang	22C1-CNÔ9	A			2.43	Trung bình
84	22004926	Võ Thành	Đạt	Nam	19/03/2004	Bình Thuận	22C1-CTM1				3.15	Giỏi
85	22002959	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	12/05/2004	Bình Định	22C1-ĐCN1				2.18	Trung bình
86	22003033	Trần Công	Thịnh	Nam	18/11/2004	Đồng Nai	22C1-ĐCN1				2.01	Trung bình
87	22003655	Lê Hoàng	Hạnh	Nam	10/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-KML1				2.54	Khá
88	22004207	Đào Anh	Hào	Nam	12/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-KML1				2.50	Khá
89	22003342	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	28/10/2004	Long An	22C1-KML1	A	TOEIC 350		2.42	Trung bình
90	22004227	Trần Phước Anh	Khoa	Nam	15/08/2004	Quảng Ngãi	22C1-KML1				2.43	Trung bình
91	22002998	Nguyễn Ngọc	Mẫn	Nam	05/02/2004	Quảng Ngãi	22C1-KML1	A			2.15	Trung bình
92	22003351	Bùi Thanh	Tam	Nam	07/04/2004	Long An	22C1-KML1				2.40	Trung bình
93	22002802	Đặng Tấn	Thế	Nam	02/04/2003	Bến Tre	22C1-KML1				2.36	Trung bình
94	22004891	Lê Thị Cẩm	Ly	Nữ	06/04/2004	Quảng Trị	22C1-KTD1	A	TOEIC 350		3.59	Xuất sắc
95	22004937	Huỳnh Phương	Thảo	Nữ	12/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-KTD1	A			2.57	Khá
96	22004941	Trần Chí	Thanh	Nam	15/01/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	22C1-KXD1	A			2.25	Trung bình
97	22002686	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	02/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-LGT1				2.34	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
								Tin học	Anh văn			
98	22004003	Trương Quân	Bảo	Nam	23/12/2003	Đắk Nông	22C1-LTM1				2.33	Trung bình
99	22004635	Nguyễn Hoàng	Nhi	Nữ	20/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-NNA1		Tiếng Trung		3.00	Giỏi
100	22004917	Nguyễn Trần Hoàng	Vũ	Nam	26/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-NNA1	A	Tiếng Trung		3.62	Xuất sắc
101	22005900	Phạm Trung	Kiên	Nam	22/12/1992	Đồng Nai	22C1-NTN1				3.90	Xuất sắc
102	22002550	Võ Trường	Sơn	Nam	16/04/2004	Bình Phước	22C1-QTD1				2.11	Trung bình
103	22004803	Hà Thụy Cẩm	Tiên	Nữ	06/06/2004	Đồng Nai	22C1-QTD1	A			2.68	Khá
104	22004782	Hồ Thành	Nhiên	Nam	17/12/2004	Kiên Giang	22C1-QTD2				2.24	Trung bình
105	22004761	Trần Nghi	Văn	Nữ	25/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-QTD2	A			2.62	Khá
106	22002765	Lê Trung	Đức	Nam	27/09/2004	Thanh Hoá	22C1-TĐH1	A	TOEIC 350		2.14	Trung bình
107	22002808	Nguyễn Chí	Toàn	Nam	28/05/2001	Bình Thuận	22C1-TĐH1				2.28	Trung bình
108	22002447	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	11/05/2004	An Giang	22C1-TKĐ1				2.63	Khá
109	22003211	Trần Tuấn	Anh	Nam	12/09/2001	Lâm Đồng	22C1-TKĐ1				2.71	Khá
110	22000527	Trần Quang	Long	Nam	15/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-TKĐ1				2.58	Khá
111	21002991	Tăng Kim	Ngân	Nữ	02/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-TMĐ1	A	TOEIC 350		2.91	Khá
112	22004896	Phạm Minh	Biết	Nam	14/07/2004	Quảng Ngãi	22C1-VSL1				2.22	Trung bình
113	22004035	Trần Nguyễn Gia	Huy	Nam	14/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C1-VSL1				2.75	Khá
114	22003304	Phạm Văn	Nguyên	Nam	22/10/2004	Quảng Ngãi	22C1-VSL1				2.69	Khá
115	22001193	Trần Bảo	Quốc	Nam	08/12/2000	Tây Ninh	22C6-CNÔ1	IC3			2.97	Khá
116	22004011	Huỳnh Công	Sự	Nam	07/03/2004	Tây Ninh	22C6-CNÔ1				3.23	Giỏi
117	22003038	Nguyễn Hoàng Phú	Hiệp	Nam	01/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CCK1				2.79	Khá
118	22003632	Lê Nhật	Hoàng	Nam	03/05/2003	Đắk Lắk	22C3-CCK1				3.01	Giỏi
119	22003204	Dương Trần Anh	Khoa	Nam	04/11/2002	Đồng Nai	22C3-CCK1				2.83	Khá
120	22003635	Tiền Chí	Lương	Nam	27/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CCK1	IC3			3.31	Giỏi
121	22004641	Lê Phước Hoàng	Minh	Nam	10/08/2004	Thừa Thiên -Huế	22C3-CCK1	IC3			3.15	Giỏi
122	22001097	Tô Phạm Anh	Pháp	Nam	21/03/2003	Bình Định	22C3-CCK1	IC3			3.40	Giỏi
123	22002752	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	19/01/2004	Bến Tre	22C3-CCK1				3.25	Giỏi
124	22003322	Nguyễn Quang	Tiền	Nam	31/01/2004	Đồng Nai	22C3-CCK1	IC3			3.24	Giỏi
125	22001888	Trần Hữu	Bình	Nam	21/11/2004	Bình Dương	22C3-CNÔ1				2.36	Trung bình
126	22002131	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	02/05/2004	Long An	22C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400		2.99	Khá
127	22001911	Nguyễn Trọng	Hoàng	Nam	09/05/2004	Bình Dương	22C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400		2.61	Khá
128	22002240	Nguyễn Thế	Hợp	Nam	04/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ1	IC3			2.79	Khá
129	22003884	Dương Thái Thịnh	Hung	Nam	22/01/2004	Cần Thơ	22C3-CNÔ1				2.40	Trung bình
130	22001460	Lê Quốc	Khánh	Nam	27/08/2003	Lâm Đồng	22C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400		3.03	Giỏi
131	22002659	Phan Hoàng Nhuận	Khánh	Nam	13/01/2004	Long An	22C3-CNÔ1	IC3			2.41	Trung bình
132	22002792	Nguyễn Hữu	Khoa	Nam	02/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ1	IC3			3.07	Giỏi
133	22000935	Trương Minh	Khôi	Nam	27/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400		3.27	Giỏi

STT	Mã SV	Họ đệm Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
								Tin học	Anh văn			
134	22002140	Lê Văn	Long	Nam	24/02/2004	Long An	22C3-CNÔ1				2.23	Trung bình
135	22003030	Trần Minh	Mẫn	Nam	09/04/2004	Bến Tre	22C3-CNÔ1	IC3			2.66	Khá
136	22002788	Trương Anh	Nhật	Nam	23/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ1		TOEIC 400		2.19	Trung bình
137	22002353	Nguyễn Thành	Phát	Nam	19/06/2004	Bến Tre	22C3-CNÔ1				2.54	Khá
138	22002315	Nguyễn Minh	Quân	Nam	28/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ1	IC3			2.66	Khá
139	22001795	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	14/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ1	IC3			2.90	Khá
140	22003029	Võ Thái	Toàn	Nam	18/11/2004	Bến Tre	22C3-CNÔ1	IC3			3.25	Giỏi
141	22003013	Trần Văn	Tuấn	Nam	11/04/2004	Đồng Nai	22C3-CNÔ1				2.15	Trung bình
142	22001209	Lương Thanh	Tùng	Nam	20/01/2003	Đắk Lắk	22C3-CNÔ1	IC3			2.62	Khá
143	22003888	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	09/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400		2.99	Khá
144	22002005	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	11/08/2001	Nghệ An	22C3-CNÔ2	IC3			3.40	Giỏi
145	22003330	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	25/04/2004	Bình Phước	22C3-CNÔ2				2.62	Khá
146	22004095	Nghiêm Nguyễn Gia Phong	Hào	Nam	06/07/2004	Vĩnh Long	22C3-CNÔ2				2.31	Trung bình
147	22003633	Phạm Hải	Hiệp	Nam	10/05/2003	Bình Phước	22C3-CNÔ2	IC3			3.04	Giỏi
148	22004360	Bùi Thanh	Huy	Nam	19/12/2004	Quảng Ngãi	22C3-CNÔ2	IC3			2.87	Khá
149	22000552	Nguyễn Minh	Khánh	Nam	25/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ2	IC3			3.29	Giỏi
150	22002133	Huỳnh Kim	Khuê	Nam	13/06/2003	Quảng Ngãi	22C3-CNÔ2				2.59	Khá
151	22000730	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	07/05/2000	Đồng Nai	22C3-CNÔ2				2.64	Khá
152	22003542	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	11/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ2				2.77	Khá
153	22003358	Trần Huy	Phát	Nam	13/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ2				2.35	Trung bình
154	22003083	Hồ Hoàng	Phúc	Nam	07/05/2004	Bến Tre	22C3-CNÔ2				2.50	Khá
155	22002465	Hồ Nguyễn Gia	Phúc	Nam	05/05/2004	Khánh Hoà	22C3-CNÔ2				2.62	Khá
156	22002685	Nguyễn Thành	Phương	Nam	04/03/2004	Gia Lai	22C3-CNÔ2				2.57	Khá
157	22003194	Phạm Huỳnh Thanh	Quyển	Nam	13/07/2004	Tiền Giang	22C3-CNÔ2	IC3			3.03	Giỏi
158	22003678	Nguyễn Khắc	Vinh	Nam	17/09/2004	Long An	22C3-CNÔ2				2.65	Khá
159	22002464	Ngô Hoài	Ân	Nam	29/09/2004	Tây Ninh	22C3-CNÔ3				2.53	Khá
160	22002544	Trần Xuân	Bình	Nam	19/06/2004	Bình Định	22C3-CNÔ3	IC3			2.17	Trung bình
161	22004257	Đỗ Xuân	Chiến	Nam	03/03/2001	Hải Phòng	22C3-CNÔ3	IC3			3.11	Giỏi
162	22003875	Nguyễn Văn	Cường	Nam	18/04/2004	Bình Thuận	22C3-CNÔ3	IC3			2.14	Trung bình
163	22003025	Nguyễn Hồ	Đạt	Nam	10/10/2004	Cần Thơ	22C3-CNÔ3				2.44	Trung bình
164	22002178	Nguyễn Chung Anh	Duy	Nam	28/05/2004	Tây Ninh	22C3-CNÔ3	IC3			2.83	Khá
165	22002924	Thái Anh	Khoa	Nam	30/09/2003	Bình Thuận	22C3-CNÔ3				2.75	Khá
166	22003849	Tạ Trường	Lộc	Nam	23/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ3				2.56	Khá
167	22001978	Cao Hoàng	Luân	Nam	24/03/2004	Trà Vinh	22C3-CNÔ3				2.62	Khá
168	22003238	Mai Thành	Nam	Nam	16/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ3	IC3			2.83	Khá
169	22002900	Phan Trọng	Nhân	Nam	25/01/2004	Long An	22C3-CNÔ3	IC3			2.62	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
								Tin học	Anh văn			
170	22001506	Phạm Văn	Tâm	Nam	01/12/2004	Bình Phước	22C3-CNÔ3	A			3.33	Giỏi
171	22002280	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	12/05/2004	Bình Định	22C3-CNÔ3	IC3			2.57	Khá
172	22000859	Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	21/11/2003	Thanh Hoá	22C3-CNÔ3				2.58	Khá
173	22001696	Trần Hữu Vương	Thông	Nam	06/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ3	IC3			2.78	Khá
174	22002981	Lê Thái	Tiến	Nam	18/12/2004	Long An	22C3-CNÔ3	IC3			2.55	Khá
175	22000590	Nguyễn Trọng	Tín	Nam	29/09/1999	Đồng Tháp	22C3-CNÔ3	A			3.35	Giỏi
176	22003670	Lê Minh	Tính	Nam	16/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ3	IC3			3.39	Giỏi
177	22001726	Lê Văn	Trà	Nam	20/01/2004	An Giang	22C3-CNÔ3	IC3			3.31	Giỏi
178	22002868	Nguyễn Đình	Trí	Nam	21/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C3-CNÔ3				2.36	Trung bình
179	22004174	Phạm Quang	Dũng	Nam	26/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C7-CCK1				2.63	Khá
180	22002689	Nguyễn Thế	Hùng	Nam	16/10/2004	Đắk Lắk	22C7-CCK1				2.54	Khá
181	22003745	Lê Thanh	Lượng	Nam	07/12/2004	Tiền Giang	22C7-CCK1				2.78	Khá
182	22003828	Phạm Công	Thành	Nam	26/07/2004	Quảng Nam	22C7-CCK1				2.72	Khá
183	22001132	Nguyễn Đức	Thuận	Nam	21/08/2001	Long An	22C7-CCK1				3.25	Giỏi
184	22004594	Cao Đình	Thuyền	Nam	16/06/2004	Quảng Bình	22C7-CCK1				2.85	Khá
185	22002227	Nguyễn Thành	Tín	Nam	11/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C7-CCK1				3.56	Xuất sắc
186	21001465	Huỳnh Ngô Quốc	Việt	Nam	04/01/2003	Tiền Giang	22C7-CCK1				2.81	Khá
187	22004713	Nguyễn Đình	Vững	Nam	25/12/2003	Tiền Giang	22C7-CCK1				2.86	Khá
188	22003405	Nguyễn Đăng	Vương	Nam	26/10/2003	Đồng Nai	22C7-CCK1				2.66	Khá
189	22001008	Phạm Quốc	Cường	Nam	19/10/2002	Bến Tre	22C7-LTM1				3.03	Giỏi
190	22004102	Hoàng Tiến	Dũng	Nam	27/10/2004	Đồng Nai	22C7-LTM1				3.05	Giỏi
191	22004046	Nguyễn Hữu	Hiển	Nam	10/10/2004	Bình Dương	22C7-LTM1				2.98	Khá
192	22002536	Nguyễn Hoài	Thương	Nam	20/07/2004	Cà Mau	22C7-LTM1				2.65	Khá
193	22002635	Dương Đại	Tôn	Nam	20/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C7-LTM1				2.60	Khá

Tổng cộng có 193 sinh viên, trong đó:

Xuất sắc:	4	2.07 %
Giỏi:	25	12.95 %
Khá:	67	34.72 %
Trung bình	97	50.26 %